KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC, KHOA CỬ NINH BÌNH THỜI NGUYỄN

ĐINH VĂN VIỄN*

1. Vài nét về Ninh Bình thời Nguyễn

Sau khi đánh bại nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi, lập ra triều Nguyễn, chia cả nước thành 27 trấn, doanh. Từ Thanh Hoa ngoại (tỉnh Ninh Bình ngày nay) trở ra gọi là Bắc Thành thống nhiếp và được chia ra Nội trấn (gồm trấn Sơn Nam thượng, trấn Sơn Nam hạ, trấn Sơn Tây, trấn Kinh Bắc, trấn Hải Dương), Ngoại trấn (gồm trấn Tuyên Quang, trấn Hưng Hóa, trấn Cao Bằng, trấn Lạng Sơn, trấn Thái Nguyên, trấn Quảng Yên). Từ Bình Thuận trở vào Nam gọi là Gia Định thành. Xung quanh Kinh đô Huế đặt bốn doanh.

Năm 1802, Ninh Bình được gọi là trấn Thanh Hoa ngoại, gồm 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan, 6 huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang, Phụng Hoá, Yên Hoá, Lạc Thổ.

Năm 1806, Thanh Hoa ngoại trấn đổi làm đạo Thanh Bình (Lương Văn Vân lãnh chức Quản đạo, Nguyễn Danh Sán làm Tham hiệp) (1), lệ thuộc trấn Thanh Hoa. Dưới triều Gia Long toàn tỉnh có 2 phủ, 6 huyện, 12 tổng, 84 xã, phường thôn. Năm 1819, Ninh Bình có 9.100 đinh trên tổng số 613.916 số đinh cả nước, ruộng đất có 132.855 mẫu, ngạch thuế 99.404 hộc thóc, 58.399 quan điền, 7 lạng bạc.

Năm 1822, đạo Thanh Bình đổi làm đạo Ninh Bình (tên gọi Ninh Bình bắt đầu có từ đây), lệ thuộc vào trấn Thanh Hoa. Lúc này Nguyễn Văn Tạo làm Quản đạo, Lương Văn Vân làm Tham hiệp.

Trước đó, năm1821, đổi phủ Trường Yên làm Phủ Yên Khánh. Vậy đạo Ninh Bình gồm 2 phủ, 6 huyện như đạo Thanh Bình trước đây.

Năm 1829, cho đổi đạo Ninh Bình thành trấn Ninh Bình (Quản đạo Lê Văn Túc làm trấn thủ trấn Ninh Bình, Tham hiệp Ngụy Khắc Thuần làm Tham Hiệp trấn Ninh Bình), đổi cấp ấn trấn thay ấn đạo. Sắc rằng: "Từ nay về sau công việc trong trấn đều y lệ các trấn không phải phụ lệ vào Thanh Hoa nữa" (2). Cũng trong năm 1829, một huyện mới ven biển được thành lập lấy tên là huyện Kim Sơn cho phụ phủ Yên Khánh. Như vậy, trấn Ninh Bình đến năm 1829 bao gồm 2 phủ 7 huyện là: phủ Yên Khánh (gồm 4 huyện: Gia Viễn, Yên Khánh, Yên Mô, Kim Sơn), phủ Thiên Quan (gồm 3 huyện: Phụng Hóa, Yên Hóa, Lạc Thổ).

Năm 1831, đổi nâng trấn Ninh Bình lên thành tỉnh Ninh Bình (lúc này Hồ Hựu làm Tuần phủ Ninh Bình). Tỉnh Ninh Bình khi mới thành lập còn phụ thuộc vào sự cai quản của tổng đốc Hà - Ninh (3).

Năm 1838, cắt tổng Thần Phù, huyện Tống Sơn (nay là Nga Sơn, Thanh Hóa), phủ

*TS. Trường Đại học Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Hà Trung của tỉnh Thanh Hóa về cho huyện Yên Mô, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình (4).

Năm 1862, đổi tên phủ Thiên Quan thành phủ Nho Quan gồm ba huyện như phủ Thiên Quan. Thời điểm này toàn tỉnh có 2 phủ, 7 huyện, 50 tổng, 384 xã thôn.

Năm 1876, hai huyện Phong Doanh và Ý Yên của phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định được nhập vào tỉnh Ninh Bình. Đến năm Thành Thái thứ 2 (1890) lại trả 2 huyện này về Nam Định.

Năm 1888, khi tỉnh Hòa Bình được thành lập, huyện Lạc Thổ được cắt về cho Hòa Bình. Đầu thế kỷ XX, một số đơn vị hành chính của tỉnh Ninh Bình có sự thay đổi. Nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ đề ngày 19-12-1905 thành lập huyện Gia Khánh (thuộc phủ Yên Khánh), gồm 8 tổng Đa Giá, La Mai, Kỳ Vĩ, Quán Vinh, Yên Đăng, Thiện Trạo, Vũ Lâm, Dương Vũ. Toàn huyện Gia Khánh có 35 xã 6 thôn 4 phường 1 trại; Nghị định về xóa bỏ huyện Yên Hóa (vùng phía Tây Bắc huyện Gia Viễn ngày nay) của Thống sứ Bắc Kỳ ngày 27-8-1921. Diên cách hành chính tỉnh Ninh Bình được duy trì cho đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Đến năm 1927, theo số liệu của cuộc tổng điều tra do người Pháp tiến hành cho biết tỉnh Ninh Bình có 2 phủ, 4 huyện, 48 tổng, 375 xã thôn, với diện tích tự nhiên 900 km^2 dân số 291.063 người.

Dưới triều Nguyễn, những chính sách tích cực của triều đình đã làm cho bộ mặt kinh tế - xã hội cả nước cũng như Ninh Bình thời kì này có nhiều thay đổi. Điển hình nhất là công cuộc khai hoang vùng ven biển Ninh Bình do Nguyễn Công Trứ chỉ huy diễn ra vào đầu thế kỷ XIX và năm 1829 đã thành lập thêm một huyện mới là huyện Kim Sơn. Công tác trị thủy cũng được chú trọng. Năm 1830, đắp đê Hồng Ân, năm 1838, đắp đê Vệ Nông,... Đường sá, các bến đò,... cũng được mở mang. Đặc biệt tuyến đường sông tạo điều kiện giao thông thủy thuận lợi mọi vùng trong tỉnh Ninh Bình. Từ 1858-1860, dưới sự chỉ huy của Đặng Huy Trứ, các sông ven biển từ Hoa Lư qua Thanh Hóa đến Nghệ An được tiến hành với quy mô chưa từng có.

Các ngành nghề thủ công nghiệp ở Ninh Bình khá phát triển. Một số nghề truyền thống thủ công của Ninh Bình có tiếng vang khắp cả nước như: điêu khắc đá mỹ nghệ xã Ninh Vân, thêu ren làng Văn Lâm, dệt lụa La Mai, nghề xây làng Bình Hải, Đan cót ở làng Vân Thị, đan cói Kim Sơn,...

Hệ thống chợ vào thế kỷ XIX cũng được mở rộng, hầu như các làng lớn đều có chợ. Theo thống kê vào giữa thế kỷ XIX, Ninh Bình có gần 40 chợ, trong đó sầm uất nhất là chợ Vân Sàng, chợ Trạo; Dương Vũ, Chợ huyện Gia Viễn, Liên Trì, huyện Yên Mô; Quy Hậu, huyện Kim Sơn; Lạng Phong, huyện Nho Quan,...

Văn hóa, giáo dục khoa cử ở Ninh Bình có bước phát triển mới.

2. Giáo dục, khoa cử Ninh Bình thời Nguyễn

Cư dân Ninh Bình vốn chất phác, cần cù, hiếu học. "Sĩ phu chuộng về khí tiết mà chất phác, nông dân thì chăm chỉ làm ruộng, phụ nữ nuôi tằm dệt lụa hàn thô, dân nghèo đi lấy củi để sinh sống, các phường chài lưới đánh cá làm ăn" (5). "Dân hai huyện Yên Khánh và Yên Mô kẻ sĩ chăm lo học hành mà cương nghị" (6), huyện Gia Viễn "Nho sĩ chuộng khí tiết mà chân chất" (7).

Dưới thời Nguyễn, trên cơ sở kế thừa và tiếp nối truyền thống, hệ thống giáo dục quan phương đã nhanh chóng được thiết lập lại từ trung ương cho đến địa phương. "Giáo dục Nho học thời Nguyễn phát triển

mạnh mẽ nhất trong thời kỳ phong kiến" (8). Trong số 30 tỉnh của cả nước, cho đến đầu đời vua Tự Đức, 21 tỉnh có trường học cấp tỉnh; trong số 401 phủ, huyện của cả nước, 56 phủ và 82 huyện có trường học cấp phủ và huyện. Từ năm 1807 (vua Gia Long cho mở khoa thi Hương đầu tiên) đến năm 1918 (Khải Định thứ 3), triều Nguyễn đã tổ chức được 47 khoa thi Hương, lấy đỗ được 5.208 người. Năm Nhâm Ngọ (1822), vua Minh Mạng tổ chức khoa thi Hội đầu tiên; đến năm Kỷ Mùi, đời vua Khải Định thứ 4 (1919), nhà Nguyễn tổ chức được 39 khoa thi Hội, lấy đỗ được 558 người. Trong số 558 người đỗ Đại khoa có 292 Tiến sỹ (Đệ Nhất giáp 11 người: 2 Bảng nhãn, 9 Thám hoa; Đệ Nhị giáp - Hoàng giáp 54 người; Đệ Tam giáp (Đồng Tiến sỹ xuất thân) 227 người) và 266 Phó bảng (9).

Trong bối cảnh chung của giáo dục, khoa cử cả nước như vậy, giáo dục, khoa cử Ninh Bình thời Nguyễn đạt nhiều thành tựu.

2.1. Về trường học

Trường công

Thời Nguyễn, Quốc Tử Giám là trường học của quốc gia; tỉnh, phủ, huyện có Nha học đường của tỉnh, phủ, huyện.

Thống kê từ *Đại Nam nhất thống chí* cho biết số trường học của Ninh Bình (so sánh với cả nước) như bảng 1.

Cụ thể các trường công của Ninh Bình như sau:

Trường của Tỉnh: "Nha học tỉnh Ninh Bình ở địa phận xã Đại Đăng, phía Tây Nam thành của tỉnh, trước kia không đặt ra, triều Minh Mệnh dùng nơi phủ học ở thôn Phúc Am đặt học nha tỉnh. Tự Đức 19, phủ thần là Đặng Toán đã xét cách thức để xây dựng và dời đến" (10).

Qua thông tin trên cho thấy, thời vua Minh Mạng về trước chưa có trường học của tỉnh riêng, mà dùng chung với trường học của phủ Yên Khánh, ở thôn Phúc Am. Từ năm Tự Đức thứ 19, Đặng Toán mới cho xây dựng Nha học của tỉnh riêng, ở xã Đại Đăng, phía Tây Nam thành Ninh Bình.

Trường cấp Phủ ở Ninh Bình có 1 trường. *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện* của Nguyễn Tử Mẫn cho biết: "Nha học phủ Nho Quan ở địa phận xã Lãng Phong, phía đông bắc thành phủ. Minh Mệnh 21, bớt bỏ chức Giáo thụ phủ Yên Khánh và đặt ra nha học phủ" (11).

Trường học cấp huyện ở Ninh Bình có 3 trường ở huyện Gia Viễn, huyện Yên Mô, huyện Kim Sơn.

"Nha học huyện Gia Viễn ở địa phận xã Đới Nhân, phía tây trị sở huyện… "Số người văn học, chỗ nhiều, chỗ ít không đều nhau như các tổng La Mai, Trường Yên thì hơn ba tổng Liên Huy, Uy Viễn, Vân Trình" (12).

Nha học huyện Yên Mô: "Thành cũ này hãy còn ở xã Quảng Phúc, nguyên trước ở Tiên Hưng. Bản triều Gia Long năm đầu (1802) rời về xã Lan Khê. Minh Mệnh năm đầu rời về Yên Thái xã Quảng Phúc của xứ học hiệu (nhà học của xứ) ở phía đông huyện lỵ"; "ở phía đông ngoài thành, có hai nhà là nhà tranh. Tự Đức năm 31 vâng lệnh trên chuẩn cho rời đến đặt ở xã Đới Sơn hợp cùng với phủ thành mới của Yên Khánh. Kiến Phúc năm đầu đã đem các việc bẩm lên và

Bảng 1: Số trường học ở Ninh Bình thời Nguyễn

Địa phương	Số phủ, huyện	Số trường	Trường học cấp		
			Tỉnh	Phủ	Huyện
Ninh Bình	09	05	01	01	03
Cả nước	401	159	21	56	82

được trở về lỵ sở cũ ở xã Quảng Phúc, tạm trú ở nhà dân để làm việc. Hiện nay, huyện đường và nha học cùng đóng ở thôn ấy".

"Nha học huyện Kim Sơn ở địa phận làng Quy Hậu, phía bắc trị sở huyện. Tự Đức 11 mới đặt ra" (13)…

Hiện chưa có tài liệu nào mô tả cụ thể, chi tiết về "Nha học" thời Nguyễn ở Ninh Bình. Về đại thể, "nhà" học có quy mô nhỏ. Đây là nơi để nho sĩ gặp nhau giao lưu và "bình văn". Các quan Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo vừa là người quản lý việc học của tỉnh, phủ, huyện, vừa là thầy dạy, được nhà nước cấp lương và bổng lộc.

Trường tư

Các trường học của tư nhân ở Ninh Bình thời Nguyễn khá nhiều. Các trường tư, với nhiều cấp độ, nhiều hình thức hết sức phong phú. Một số trường tư với những thầy học nổi tiếng uyên thâm, có nhiều học trò đỗ đạt, nhưng nhiều hơn là các trường làng, với các thầy giáo làng. Đây chính là nơi thu hút được đông đảo người dân trong và ngoài tỉnh đến học. Trường tư thường mở tại tư gia của thầy dạy, tại các làng xã.

Người dạy tại các trường tư này do các nhà khoa bảng hoặc do những nho sĩ dù chưa đậu nhưng có tài, được học trò tin tưởng mở ra dạy. Có người là quan Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo như Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Huyên,... Có người lấy việc dạy học để đào tạo nhân tài cho đất nước mà mở trường như Phạm Huy Thục người Bồng Hải, huyện Yên Khánh; Có người đỗ đạt ra làm quan, vì "bất đắc chí", "chán quan trường, thế sự" mà từ quan về mở trường, lấy dạy chữ, dạy người làm vui, gửi hy vọng ở tương lai hơn là để kiếm sống; có người đỗ Cử nhân, Tú tài nhưng vì thi mãi vẫn không "vượt qua tam trường", "tứ trường" (thi Hội), liền bỏ "khoa cử" để làm quan, rồi bỏ quan về quê mở trường dạy học như Cụ Tú Nhiễu ở Yên Khánh, cụ Cử Mẫn (Thư Điền),…

Thầy dạy được "trả lương" bằng "sản phẩm" của ruộng làng, ruộng xã (ruộng công) hiến tặng (như "Cánh đồng Thầy" của Lê Khả Lãng ở Vân Lung - Gia Vân, Gia Viễn), sự đóng góp của người có con đi học…

Qua khảo cứu và những hiểu biết có được, chúng tôi chỉ xin nêu sơ lược một số trường học, thầy dạy có đóng góp nhiều cho Ninh Bình và đất nước:

+ Trường Bồng Hải của Phạm Huy Thục (1797 - 1852)

Phạm Huy Thục người làng Hiếu Thiện, tổng Bồng Hải, nay thuộc xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh, đỗ Giải nguyên khoa Ất Dậu (1825), niên hiệu Minh Mạng thứ 6, tại trường thi Thanh Hóa nhưng bị đánh trượt vì phạm húy. Mười hai năm sau (1837), ông lại thi Hương đỗ Cử nhân, tại trường thi Nam Định, làm quan Giáo thụ phủ Khoái Châu (Hưng Yên), Đốc học tỉnh Bình Định, sau về quê (Bồng Hải) mở trường dạy học, nơi Hoàng giáp Phạm Văn Nghị từng làm thầy dạy, Bảng nhãn Cát sĩ Vũ Duy Thanh từng là môn sinh và thi đỗ Bảng nhãn cát sĩ cập đệ, làm quan đến Tế Tửu Quốc Tử Giám (người dân gọi là Trạng Bồng). Con trai của Phạm Huy Thục là Phạm Đan Quế được chính cha mình dạy dỗ trở thành một nhân tài, chính trực.

Trường học của Phạm Huy Thục ở Bồng Hải là trường lớn và nổi tiếng nhất của Ninh Bình thời Nguyễn.

+ Trường Nộn Khê của Lục Khê Phạm Diệu (? - ?)

Trường Nộn Khê của Lục Khê Phạm Diệu. Làng Nôn Khê nay thuộc xã Yên Từ, huyện Yên Mô. Làng Nộn Khê là một trong "*Yên Mô tứ làng*" nổi tiếng thời Nguyễn.

Trường rất được quan Thượng thư Vũ Phạm Khải quan tâm. Trước khi đi nhậm chức ở kinh đô (Huế), Vũ Phạm Khải đem con trai của bạn mình là Phạm Thận Duật đến gửi học ở trường. Sau này, Phạm Thận Duật thi đỗ Cử nhân, làm quan đến Thượng thư. Kính trọng cái tài, cái đức của người thầy dạy dỗ buổi đầu đời mình, cảm mến cái đẹp của người con gái của thầy, Phạm Thận Duật đã trở thành con rể của thầy Phạm Diệu. Ngoài ra, học trò của trường Nộn Khê còn có hai anh em ruột cùng đỗ Cử nhân, đó là Phạm Chấn Lang đỗ khoa Mậu Thìn (1868) và em là Phạm Quý Liêm đỗ khoa Kỷ Dậu (1909).

2.2. Thành tựu khoa bảng

Hiện vẫn chưa có con số thống kê đầy đủ về số người đỗ đạt ở Ninh Bình qua các khoa thi Nho học. "Danh sách các vị đỗ Hương cống - Cử nhân ở Ninh Bình từ khoa thi hương nửa sau thế kỉ XVII triều Lê trung hưng đến khoa thi Hương năm Canh Tuất, niên hiệu Tự Đức thứ 3 (1850) triều Nguyễn, tỉnh Ninh Bình ngày nay có 139 người đỗ, trong đó Yên Khánh có 56 người; huyện Yên Mô có 56 người và huyện Gia Viễn có 27 người" (14).

Thống kê từ *Quốc triều Hương khoa lục*, *Các nhà khoa bảng Việt Nam*, *Trạng nguyên, Tiến sĩ, Hương cống Việt Nam*, số người Ninh Bình đã thi và đỗ ở các khoa thi Nho học từ thời Lý, Trần đến thời Nguyễn là 187 người.

Kết quả giáo dục khoa cử của tỉnh Ninh Bình thời kỳ này được biểu hiện ở số lượng các nhà khoa bảng đỗ đạt trong các kỳ thi Hương và thi Hội.

Kết hợp các nguồn tài liệu đã xuất bản (15) xin đưa ra thống kê về thành tựu khoa bảng Ninh Bình thời Nguyễn như bảng 2.

Bảng 2 chắc chắn là chưa đầy đủ, nhưng qua đây đã phản ánh rõ, dưới thời Nguyễn, Ninh Bình đạt thành tựu nổi bật về giáo dục, khoa cử.

Người Ninh Bình đỗ đại khoa dưới triều Nguyễn gồm 4 vị, đó là:

Nguyễn Ngạn (sau đổi là Nguyễn Tuấn Khanh) là người xã Áng Ngũ, huyện Gia Viễn (nay là thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư). Nguyễn Ngạn đỗ Cử nhân tại trường Nam Định, Ân khoa năm Đinh Mùi đời vua Thiệu Trị thứ 7 (1847) và năm 1849, đỗ Phó bảng khoa Kỷ Dậu. Nguyễn Ngạn làm quan tới chức Đốc học. Ông còn tổ chức cho dân đào, khơi sông Tranh (đoạn từ vườn Trầu (Ninh Nhất, Thành phố Ninh Bình) đến Cổ Loan (Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình), đoạn sông Tranh qua khu vực xã Áng Ngũ (nay thuộc xã Ninh Hòa)) (16).

Nguyễn Tuyên (1807-?) (người địa phương gọi là Nguyễn Đình Tuyên) là người xã Côi Trì, huyện Yên Mô (nay là thôn Côi Trì, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô). Ông đỗ Cử nhân khoa thi năm Đinh Mùi (1847), đỗ Phó bảng khoa thi năm Kỷ Dậu

Bảng 2: Số người Ninh Bình đỗ đạt thời Nguyễn

TT	Địa phương	Phó bảng, Tiến sĩ	Cử nhân	Tú Tài
1	Thành phố Ninh Bình	0	04	04
2	Gia Viễn	0	07	14
3	Nho Quan	0	02	03
4	Yên Mô	01	27	27
5	Yên Khánh	01	54	18
6	Kim Sơn	01	10	10
7	Hoa Lư	01	11	10
	Tổng	**04**	**115**	**86**

(1849). Nguyễn Tuyên làm quan đến chức Án sát Hải Dương.

Vũ Duy Thanh (1811 - 1863), người xã Kim Bồng, tổng Bồng Hải, huyện Yên Khánh (nay là xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh). Ông đỗ Cử nhân khoa Quý Mão (1843), đỗ Phó bảng năm Tân Hợi (1851), đỗ Đệ nhất giáp Cát sĩ cập đệ, Đệ nhị danh (khoa thi Chế khoa bác học hoành tài) khoa thi năm 1851. Sau khi thi đỗ được bổ chức Hàn Lâm viện Thị độc, Quốc tử giám Tư nghiệp, thăng Tế tửu. Vũ Duy Thanh để lại nhiều tác phẩm có giá trị nhiều mặt như: *Bồng Châu thi văn tập, Trừng phú thi tập, Bồng Châu tạp thảo*…

Vũ Xuân Tâm (1872 -?), người xã Định Hướng, tổng Hồi Thuần, huyện Kim Sơn (nay thuộc xã Hồi Ninh, huyện Kim Sơn), đỗ Cử nhân trường Hà - Nam khoa Kỷ Dậu đời vua Duy Tân thứ 3 (1909). Năm 1913, ông đỗ Phó bảng khoa Quý Sửu (1913).

Điểm nổi bật trong thành tựu khoa bảng của Ninh Bình thời Nguyễn đó là đã hình thành những dòng họ khoa bảng. Điển hình là họ Nguyễn ở Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình), họ Phạm (ở Khánh Thiện, Yên Khánh), họ Tống (ở La Mai, Ninh Mỹ, Hoa Lư),...

Họ Phạm ở Khánh Thiện, Yên Khánh có cha (Phạm Huy Thục, đỗ Giải Nguyên năm Ất Dậu 1925, đỗ Cử nhân năm Đinh Dậu 1837, làm tới Đốc học Bình Định) và con (Phạm Đan Quế, khoa thi năm Mậu Ngọ, đời vua Tự Đức thứ 11. Phạm Đan Quế đã đỗ Á Nguyên) đều thi đỗ.

Họ Nguyễn ở Côi Trì (Yên Mỹ, Yên Mô, Ninh Bình) là dòng họ lớn, là một trong các dòng họ có công khai hoang lập làng từ năm cuối thế kỷ XV. Năm Đoan Khánh thứ nhất (1505) thành lập xã, được gọi là xã Côi Đàm, thuộc huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, thừa tuyên Sơn Nam. Năm Gia Thái thứ nhất (1573), xã đổi tên thành Côi Trì, thuộc huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, trấn Thanh Hoa.

Trước thời Nguyễn, làng Côi Trì đã nổi tiếng bởi học hành, khoa cử. Thế kỷ XVII, XVIII, Côi Trì là làng có nhiều người học hành đỗ đạt, làm quan, có cống hiến lớn cho quê hương mà điển hình là họ Ninh, với Ninh Đạt (Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659), làm đến Giám sát ngự sử), Ninh Địch (Hoàng Giáp khoa Mậu Tuất (1718), làm quan tới Đông các Đại học sĩ) và Ninh Tốn (19 tuổi đỗ Cử nhân, đỗ Hội nguyên, Tiến sĩ khoa Mậu Tuất năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778), làm chức Đông các đại học sĩ thời Lê Hiển Tông, sang thời Tây Sơn làm tới chức Binh bộ Thượng thư, tước Trường Nguyên Bá),….

Thời Nguyễn, dòng họ Nguyễn ở Côi Trì (nay thuộc xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) nổi bật hẳn lên bởi thành tựu khoa bảng. Thống kê từ các nguồn tư liệu cho thấy, trong một gia đình của họ Nguyễn ở Côi Trì có 3 đời nối tiếp nhau đỗ đạt (*xem bảng 3*).

Các nhà khoa bảng Ninh Bình thời Nguyễn có nhiều đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Có thể kể ra một số tấm gương đó là: Cử nhân Phạm Thận Duật, Cử nhân Phạm Đan Quế, Cử nhân Vũ Phạm Khải,... Các nhân vật như Phạm Thận Duật, Vũ Phạm Khải đã được giới nghiên cứu đề cập nhiều, ở đây xin trình bày đôi nét về Cử nhân Phạm Đan Quế (1836-1876) để thấy rõ bản lĩnh, tài năng, thực học, thực tài của Nho sĩ Ninh Bình thời Nguyễn.

Bảng 3: Danh sách người họ Nguyễn (làng Côi Trì, Yên Mô, Ninh Bình) đỗ thời Nguyễn (17)

TT	Họ tên	Học vị	Thời gian đỗ	Chức quan
1	Nguyễn Phiên	Giám sinh	Triều vua Minh Mạng	Tri huyện Quảng Uyên
2	Nguyễn Trứ	Tú tài	Triều vua Minh Mạng	
3	Nguyễn Uẩn	Tú tài	Triều vua Minh Mạng	Huấn đạo An Định
4	Nguyễn Hợp	Cử nhân khoa Ất Dậu	Năm 1825	
5	Nguyễn Thuật	Cử nhân Ân khoa Tân Tỵ	Năm 1821	
6	Nguyễn Dĩnh	Tú tài	Triều vua Minh Mạng	
7	Nguyễn Ái	Cử nhân khoa thi Hương năm Kỷ Mão	Năm 1819	
8	Nguyễn (Đình) Tuyên	Tú tài (1847) Phó bảng (1849)		Án sát Hải Dương
9	Nguyễn Tỏa Thúc	Cử nhân khoa thi Mậu Dần	Năm 1878	
10	Nguyễn Khôi	Cử nhân khoa thi Mậu Dần,	Năm 1878	
11	Nguyễn Đình Chuyên	Cử nhân khoa Kỷ Dậu	Năm 1909	Huấn đạo huyện Kiến An
12	Nguyễn Quý	Cử nhân khoa Mậu Dần	Năm 1878	
13	Nguyễn Huyên	Cử nhân khoa Kỷ Dậu triều Nguyễn		Tri huyện, Nội các Đông Niết sứ
14	Nguyễn Xương	Cử nhân khoa Quý Mão	Năm 1827	
15	Nguyễn Thành Tài	Sinh đồ	Triều vua Gia Long	
16	Nguyễn Thành	Cử nhân khoa Tân Tỵ	Triều vua Minh Mạng	
17	Nguyễn Cảnh	Cử nhân khoa Tân Dậu	Năm 1821	

Phạm Đan Quế sinh năm Bính Thân (1836) tại thôn Nhất, xã Bồng Hải (nay là thôn Hiếu Thiện, xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh, Ninh Bình), là con trai thứ 4 của Phạm Huy Thục - một thầy đồ nổi tiếng của Ninh Bình. Năm 1858, Phạm Đan Quế đi thi Hương tại trường thi Thanh Hóa, khoa thi năm Mậu Ngọ, đời vua Tự Đức thứ 11. Phạm Đan Quế đã đỗ Á Nguyên. Sau đó Phạm Đan Quế tiếp tục vào học tại Quốc Tử Giám, tuy nhiên khi thi Hội chỉ lọt được tới Tam trường. Ông được bổ chức Giáo thụ huyện Hoài Đức, rồi Tri huyện huyện Thanh Oai (Hà Nội). Năm 1863, Phạm Đan Quế được về giữ chức Binh bộ viên Ngoại lang tỉnh Ninh Bình. Sau đó, Vũ Phạm Khải tiến cử Phạm Đan Quế vào triều giữ chức Ngự sử kiêm Hành tẩu bộ Lễ. Trong suốt cuộc đời làm quan của mình, ông luôn nổi tiếng là một bậc hiền tài, thanh liêm, thẳng thắn và cương trực. Trong thời gian làm Ngự sử, Phạm Đan Quế đã hai lần làm sớ can ngăn khi nhà vua đi săn không đúng thời vụ; lại dâng sớ tố cáo các quan đại thần như Thượng thư Lê Bá Thận, Tổng đốc Nguyễn Thanh Tuế vì biết họ chuyên làm những điều xằng bậy, sai trái bất chính không xứng đáng với chức vụ. Ngoài ra, ông còn nổi tiếng khi dám đứng ra bảo vệ dân làng qua vụ án "Thiên Tử Hạc". Năm 1872, trước cảnh triều đình Nguyễn ngày càng lùi bước trước thực dân Pháp, chán nản, ông xin cáo bệnh về quê dưỡng bệnh. Cuối năm 1873, thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm ra Bắc Kỳ. Sang năm 1874, Hòa ước Philastre được ký kết, các tỉnh Bắc Kỳ được trả lại triều đình Huế, trong đó có Ninh Bình. Khi ấy Nguyễn Trọng Hợp đang giữ chức Tổng đốc Định Yên (Nam Định, Hưng Yên) được giao phó trách

nhiệm đi nhận thành Ninh Bình, rồi giữ chức Quyền biện tỉnh vụ Ninh Bình. Biết ông Phạm Đan Quế là người có tài đức, Nguyễn Trọng Hợp bèn cho mời ông ra làm quan. Hy vọng vào vị tân quan của Ninh Bình, mong mỏi được giúp dân, giúp nước, Phạm Đan Quế nhận chức Tri phủ Yên Khánh kiêm nhiệm huyện Yên Mô. Ông mất ngày 28-12 năm Ất Hợi (1876).

3. Kết luận

Trong bối cảnh triều Nguyễn đẩy mạnh, khuyến khích học hành, khoa cử, trên nền tảng truyền thống khoa bảng lâu đời, Ninh Bình thời Nguyễn đã đạt những thành tựu đáng ghi nhận về khoa bảng. So sánh với các địa phương khác ở đồng bằng Bắc Bộ thì số lượng người đỗ đạt, nhất là các đại khoa ở Ninh Bình không cao. Có thể lý giải cho sự suy giảm này là do hệ tư tưởng Nho giáo không còn được trọng vọng như những triều đại trước, đồng thời do địa bàn Ninh Bình không có trường thi Hương, thi Hội nào; một nguyên nhân nữa là do chiến tranh nên trong một số năm, một số trường như trường Nam Định và Hà Nam không tổ chức thi nên cũng ảnh hưởng đến số lượng người đỗ đạt của các tỉnh trong đó có tỉnh Ninh Bình. Những khó khăn về kinh tế và hoàn cảnh xã hội đương thời cũng ảnh hưởng không nhỏ đến khoa bảng của tỉnh Ninh Bình thời kỳ này.

Mặc dù vậy, có thể nói, giáo dục khoa cử ở Ninh Bình thời Nguyễn đã đạt những thành tựu nhất định và hình thành nên những dòng họ khoa bảng, gia đình khoa bảng - một điều ít có trong các giai đoạn trước.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, (bản dịch), tái bản lần thứ nhất, tập 1 (*Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch. Đào Duy Anh hiệu đính*), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.724.

(2). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, (bản dịch), tái bản lần thứ nhất, tập 2 (Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh Duân, Phạm Huy Giu, Nguyễn Danh Chiên, Nguyễn Thế Đạt, Trương Văn Chinh, Đỗ Mộng Khương dịch. Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.957.

(3), (4). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (bản dịch), tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1996, tr. 239, 241.

(5), (6). Nguyễn Tử Mẫn, "*Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên*", Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.94, 95.

(7), (10), (11). (12). (13). Nguyễn Tử Mẫn, "*Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên*", Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.95, 91, 91, 91, 91.

(8). Nguyễn Thế Long, *Nho học ở Việt Nam- Giáo dục và thi cử*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1995, tr.101.

(9). Hà Mạnh Khoa, *Vài nét về chính sách đào tạo tuyển dụng và sử dụng nhân tài thời Nguyễn*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, 2008, tr.585.

(14). Nguyễn Thị Thanh, Vũ Như Thơm, *Bảng nhãn Vũ Duy Thanh con người và sự nghiệp*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014, tr.58.

(15). Các tài liệu là:

- Quốc triều hương khoa lục (tác giả: Cao Xuân Dục; dịch giả: Cao Tự Thanh, Nguyễn Thuý Nga, Nguyễn Thị Lâm; Nxb Thành phố Hồ Chí Minh; Thành phố Hồ Chí Minh; 1993).

- Các nhà khoa bảng Việt Nam (tác giả: Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Hữu Mùi; Nxb Văn học, Hà Nội, 1994).

- Trạng Nguyên, Tiến sĩ, Hương cống Việt Nam (tác giả: Bùi Hạnh Cẩn; Nxb Văn hóa - Thông tin; Hà Nội; 2002).

- Khoa cử Việt Nam (04 tập) (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam; Tác giả: TS. Nguyễn Thúy Nga (chủ biên), Ths. Vũ Thị Lan Anh, PGS,TS. Nguyễn Văn Thịnh, TS. Nguyễn Thị Ngân, CN Nguyễn Văn Nguyên; Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội; Hà Nội; 2019).

(16). *Lý lịch nhà thờ Phó bảng Nguyễn Ngạn*, Sở VHTT&DL Ninh Bình, 2011, tr.04.

(17). Đinh Văn Viễn, Làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX, *Luận án Tiến sĩ Lịch sử*, bảo vệ tại Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2019, tr.127.